



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 74 + 75

Ngày 01 tháng 11 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

30-9-2019- Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7.

4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

30-9-2019- Quyết định số 6248/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận.

13

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 14-10-2019- Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận và 10 phường. 15
- 14-10-2019- Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 1288/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường thuộc quận Bình Tân. 17
- 14-10-2019- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân. 19
- 14-10-2019- Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật. 21

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 25-9-2019- Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 23

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 14-10-2019- Quyết định số 4383/QĐ-UBND về ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2017 trên địa bàn các quận - huyện: 1, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Gò Vấp, Tân Bình, Bình Chánh, Củ Chi và Cần Giờ. 27
- 14-10-2019- Quyết định số 4396/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020. 60
- 14-10-2019- Quyết định số 4397/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2016 - 2020. 63
- 14-10-2019- Quyết định số 4398/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Nhà Bè, giai đoạn 2016 - 2020. 66
- 16-10-2019- Quyết định số 4456/QĐ-UBND về việc đính chính văn bản. 69

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 30 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1235/TTr-NV ngày 19 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp Quận 7 tại Báo cáo số 1582/BC-TP ngày 19/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND ngày 03/11/2008 của UBND quận 7 về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận, Trưởng phòng Nội vụ quận, Thủ trưởng phòng, ban, ngành thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Gia Vượng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 7)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc trong nội bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận; mối quan hệ công tác giữa Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lao động thương binh và xã hội, công tác phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện các chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận và của ngành dọc cấp trên.

Chương II

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về: Việc làm; dạy nghề; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động;

người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương III **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, cơ sở dạy nghề, tổ chức dịch vụ việc làm, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở cai nghiện tự nguyện, cơ sở quản lý sau cai nghiện, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn quận theo phân cấp, ủy quyền.

5. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý Nghĩa trang Liệt sĩ Nhà Bè - Quận 7.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đối với cán bộ, công chức 10 phường.

7. Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội.

8. Theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của

pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, về bình đẳng giới trên địa bàn Quận 7 theo phân cấp.

10. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức và nhân viên của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Quận 7.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Quận 7 giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

a) Trưởng Phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là người đứng đầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Phó Trưởng Phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Trưởng Phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác được Trưởng phòng phân công, chịu trách nhiệm

trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 5. Biên chế

a) Biên chế công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định, được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của quận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương V

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc:

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp:

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Đối với Hội đồng nhân dân quận:

Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân quận khi được yêu cầu.

3. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của Quận 7. Trong trường hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận:

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân 10 phường:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lĩnh vực được giao trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân phường phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng, chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

7. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận phối hợp và hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và có thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9: Căn cứ Quy chế này, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với địa điểm của địa phương, đơn vị nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Quận 7 có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Gia Vượng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6248/2019/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 30 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân quận ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (thay thế Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp);

Căn cứ Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc phân công Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số ~~1890~~ /TTr-QLĐT ngày ~~14~~ tháng ~~3~~ năm 2019 về việc bãi bỏ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2011 về việc ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận (gửi đăng công báo, niêm yết, công bố trên Website), Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /~~N~~✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huỳnh Minh Tú

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2019/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận và 10 phường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1870/TTr-NV ngày 09 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp quận tại Báo cáo số 241/BC-TP ngày 18 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ, công chức, viên chức của quận và 10 phường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2019/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 1288/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường thuộc quận Bình Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1872/TTr-NV ngày 09 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp quận tại Báo cáo số 239/BC-TP ngày 18 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 1288/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường thuộc quận Bình Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2019/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1871/TTr-NV ngày 09 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp quận tại Báo cáo số 242/BC-TP ngày 18 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2019/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1873/TTr-NV ngày 09 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp quận tại Báo cáo số 240/BC-TP ngày 18 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 13470/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm Dạy nghề quận Bình Tân.

2. Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm

kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp quận Bình Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2019/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 25 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh
ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3
năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về việc thành lập Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Quyết định số 79/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư, tư vấn xây dựng công trình của thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 2870/TTr-NV ngày 16 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 1118/BC-TP ngày 06 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí:

Phòng Quản lý đô thị Huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phòng Quản lý đô thị Huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động.”

Lý do: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 79/2010/NĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện.

2. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Vị trí, chức năng

2. Chức năng:

Phòng Quản lý đô thị Huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây

dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng; công viên, cây xanh; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị; thông tin liên lạc; cung cấp năng lượng; vệ sinh môi trường đô thị; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; phòng chống thiên tai (lũ, lụt, bão...)

Lý do: Theo quy định tại *Điểm b Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.*

3. Bổ sung tại Điều 2 Quy chế: Thực hiện trách nhiệm giải trình các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị.

Lý do: Theo quy định tại *Điều 7 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.*

4. Bổ sung tại Khoản 2, Điều 2 Quy chế: Thẩm định, trình phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện.

Lý do: Theo *Công văn số 1991/UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về giao nhiệm vụ thẩm định, trình phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư và tư vấn xây dựng công trình của thành phố Hồ Chí Minh.*

Điều 2. Bổ điểm i Khoản 2 Điều 2: “*Phối hợp với Thanh tra xây dựng Huyện hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức Thanh tra xây dựng các xã- thị trấn.*”

Lý do: Thanh tra xây dựng hiện nay thuộc Sở xây dựng nên Phòng Quản lý đô thị không có chức năng hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thanh tra xây dựng các xã, thị trấn.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2019.

2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Phú Lữ

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4383/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt
năm 2017 trên địa bàn các quận - huyện: 1, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Gò Vấp,
Tân Bình, Bình Chánh, Củ Chi và Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 tháng 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng về định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5967/LS-TC-TNMT ngày 26 tháng 9 năm 2019 về ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2017 trên địa bàn các quận - huyện: 1, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Gò Vấp, Tân Bình, Bình Chánh, Củ Chi và Cần Giờ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2017 trên địa bàn các quận - huyện: 1, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Gò Vấp, Tân Bình, Bình Chánh, Củ Chi và Cần Giờ theo các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 (07a, 07b),

08 (08a, 08b, 08c, 08d), 09, 10, 11 và 12 đính kèm (đơn giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra và tỷ lệ % giảm trừ chi ngân sách).

Trên cơ sở đơn giá được duyệt, Ủy ban nhân dân các quận - huyện quyết định mức đơn giá cụ thể (sau khi giảm trừ tỷ lệ theo quy định tại Công văn số 590/UBND-TM ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố, mức giảm trừ cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định) để thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời gian áp dụng: từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1, quận 5, quận 6, quận 7, quận 8, quận 10, quận 11, quận Gò Vấp, quận Tân Bình, huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh và huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục 01

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Quang Trung						Đa Phước			
		Xe ép 5 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	12,280	13,871	12,662	14,150	8,677	9,635	7,927	8,859	6,790	7,540
2	Từ 05/01/2017	12,355	13,946	12,749	14,237	8,743	9,701	7,982	8,914	6,842	7,592
3	Từ 20/01/2017	12,423	14,014	12,827	14,316	8,803	9,761	8,031	8,963	6,889	7,638
4	Từ 04/02/2017	12,418	14,009	12,822	14,310	8,799	9,757	8,028	8,959	6,886	7,635
5	Từ 19/02/2017	12,484	14,075	12,898	14,387	8,857	9,815	8,075	9,007	6,931	7,680
6	Từ 07/03/2017	12,516	14,108	12,936	14,425	8,885	9,843	8,099	9,031	6,953	7,703
7	Từ 22/03/2017	12,374	13,965	12,770	14,259	8,760	9,718	7,995	8,927	6,855	7,605
8	Từ 06/04/2017	12,287	13,878	12,670	14,158	8,683	9,641	7,932	8,864	6,795	7,545
9	Từ 21/04/2017	12,369	13,960	12,765	14,253	8,756	9,714	7,992	8,924	6,852	7,601
10	Từ 06/05/2017	12,320	13,911	12,708	14,196	8,712	9,670	7,956	8,888	6,818	7,568
11	Từ 21/05/2017	12,240	13,832	12,615	14,104	8,642	9,600	7,898	8,830	6,763	7,513
12	Từ 06/06/2017	12,292	13,883	12,675	14,164	8,688	9,646	7,936	8,868	6,798	7,548

13	Từ 21/06/2017	12,139	13,731	12,499	13,987	8,554	9,512	7,825	8,757	6,694	7,443
		Xe ép ≤ 5 tấn						5 tấn < Xe ép < 10 tấn			
14	Từ 01/07/2017	12,532	14,244					7,907	8,890		
15	Từ 06/07/2017	12,561	14,272					7,927	8,910		
16	Từ 21/07/2017	12,647	14,358					7,988	8,972		
17	Từ 05/08/2017	12,757	14,469					8,067	9,051		
18	Từ 06/09/2017	12,795	14,506					8,094	9,077		
19	Từ 21/09/2017	12,910	14,621					8,176	9,159		
20	Từ 06/10/2017	12,942	14,654					8,199	9,183		
21	Từ 19/10/2017	12,978	14,689					8,573	9,598		
22	Từ 21/10/2017	12,938	14,649					8,543	9,569		
23	Từ 05/11/2017	12,985	14,696					8,578	9,604		
24	Từ 21/11/2017	13,079	14,790					8,648	9,673		
25	Từ 01/12/2017	13,456	15,216					8,791	9,832		
26	Từ 06/12/2017	13,492	15,252					8,817	9,859		

Phụ lục 02

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 5 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Tống Văn Trân		Đa Phước			
		Xe ép 4 tấn		Xe ép 4 tấn		Xe ép 7 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	18,399	20,784	10,134	11,447	9,031	10,093
2	Từ 05/01/2017	18,512	20,896	10,196	11,509	9,093	10,155
3	Từ 20/01/2017	18,613	20,998	10,252	11,565	9,149	10,211
4	Từ 04/02/2017	18,606	20,991	10,248	11,561	9,145	10,207
5	Từ 19/02/2017	18,704	21,089	10,302	11,615	9,200	10,261
6	Từ 07/03/2017	18,754	21,138	10,329	11,642	9,227	10,288
7	Từ 22/03/2017	18,540	20,924	10,211	11,524	9,108	10,170
8	Từ 06/04/2017	18,410	20,794	10,140	11,453	9,037	10,098
9	Từ 21/04/2017	18,533	20,917	10,207	11,520	9,105	10,166
10	Từ 06/05/2017	18,459	20,843	10,167	11,480	9,064	10,125
11	Từ 21/05/2017	18,340	20,724	10,101	11,414	8,998	10,060
12	Từ 06/06/2017	18,417	20,801	10,143	11,457	9,041	10,102
13	Từ 21/06/2017	18,189	20,573	10,018	11,331	8,915	9,976

14	Từ 01/07/2017	18,762	21,324	10,333	11,744	9,168	10,308
15	Từ 06/07/2017	18,804	21,366	10,357	11,768	9,191	10,332
16	Từ 21/07/2017	18,934	21,496	10,428	11,839	9,263	10,403
17	Từ 05/08/2017	19,099	21,660	10,519	11,930	9,354	10,494
18	Từ 06/09/2017	19,155	21,716	10,550	11,961	9,385	10,525
19	Từ 21/09/2017	19,326	21,888	10,644	12,055	9,480	10,620
20	Từ 06/10/2017	19,376	21,937	10,671	12,082	9,507	10,648
21	Từ 21/10/2017	19,316	21,878	10,639	12,050	9,474	10,615
22	Từ 05/11/2017	19,386	21,948	10,677	12,088	9,513	10,653
23	Từ 21/11/2017	19,526	22,088	10,755	12,166	9,590	10,731
24	Từ 06/12/2017	19,579	22,141	10,783	12,194	9,619	10,760

Phụ lục 03

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 6 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Đa Phước							
		Xe ép 5 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Hooklift 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	13,321	15,048	11,219	12,538	8,320	9,239	9,668	10,212
2	Từ 05/01/2017	13,403	15,129	11,296	12,615	8,384	9,302	9,727	10,271
3	Từ 20/01/2017	13,476	15,203	11,366	12,685	8,441	9,360	9,780	10,324
4	Từ 04/02/2017	13,471	15,198	11,361	12,680	8,437	9,356	9,776	10,320
5	Từ 19/02/2017	13,542	15,269	11,428	12,747	8,492	9,411	9,828	10,372
6	Từ 07/03/2017	13,578	15,304	11,462	12,781	8,520	9,439	9,853	10,397
7	Từ 22/03/2017	13,423	15,149	11,315	12,634	8,399	9,318	9,742	10,285
8	Từ 06/04/2017	13,329	15,055	11,226	12,545	8,326	9,245	9,674	10,218
9	Từ 21/04/2017	13,418	15,144	11,310	12,629	8,396	9,314	9,738	10,282
10	Từ 06/05/2017	13,365	15,091	11,260	12,579	8,354	9,273	9,699	10,243
11	Từ 21/05/2017	13,278	15,005	11,178	12,497	8,287	9,205	9,637	10,181
12	Từ 06/06/2017	13,334	15,061	11,231	12,550	8,330	9,249	9,677	10,221
13	Từ 21/06/2017	13,169	14,895	11,074	12,393	8,202	9,120	9,558	10,102

14	Từ 01/07/2017	13,584	15,439	11,389	12,806	8,419	9,406	9,719	10,303
15	Từ 06/07/2017	13,614	15,469	11,418	12,835	8,443	9,430	9,741	10,325
16	Từ 21/07/2017	13,708	15,563	11,507	12,924	8,516	9,503	9,808	10,393
17	Từ 05/08/2017	13,828	15,682	11,620	13,037	8,609	9,596	9,894	10,479
18	Từ 06/09/2017	13,868	15,723	11,658	13,075	8,641	9,628	9,924	10,508
19	Từ 21/09/2017	13,993	15,847	11,776	13,193	8,737	9,724	10,014	10,598
20	Từ 06/10/2017	14,028	15,883	11,810	13,227	8,765	9,752	10,039	10,624
21	Từ 21/10/2017	13,985	15,840	11,769	13,186	8,732	9,718	10,008	10,592
22	Từ 05/11/2017	14,036	15,891	11,817	13,234	8,771	9,758	10,045	10,629
23	Từ 21/11/2017	14,137	15,992	11,914	13,331	8,850	9,837	10,118	10,702
24	Từ 06/12/2017	14,175	16,030	11,950	13,367	8,880	9,867	10,145	10,730

Phụ lục 04

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 7 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Đa Phước			
		Xe ép 10 tấn		Hooklift 9,8 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	6,575	7,301	11,893	12,494
2	Từ 05/01/2017	6,625	7,351	11,952	12,553
3	Từ 20/01/2017	6,671	7,396	12,006	12,607
4	Từ 04/02/2017	6,667	7,393	12,002	12,603
5	Từ 19/02/2017	6,711	7,437	12,054	12,655
6	Từ 07/03/2017	6,733	7,459	12,079	12,681
7	Từ 22/03/2017	6,638	7,364	11,967	12,568
8	Từ 06/04/2017	6,580	7,306	11,898	12,499
9	Từ 21/04/2017	6,635	7,361	11,963	12,564
10	Từ 06/05/2017	6,602	7,328	11,924	12,525
11	Từ 21/05/2017	6,549	7,275	11,861	12,463
12	Từ 06/06/2017	6,583	7,309	11,902	12,503

13	Từ 21/06/2017	6,482	7,208	11,782	12,383
14	Từ 01/07/2017	6,653	7,433	11,921	12,567
15	Từ 06/07/2017	6,672	7,452	11,943	12,589
16	Từ 21/07/2017	6,730	7,510	12,012	12,658
17	Từ 05/08/2017	6,803	7,583	12,099	12,745
18	Từ 06/09/2017	6,828	7,608	12,128	12,774
19	Từ 21/09/2017	6,905	7,685	12,219	12,865
20	Từ 06/10/2017	6,927	7,707	12,245	12,891
21	Từ 21/10/2017	6,900	7,680	12,213	12,859
22	Từ 05/11/2017	6,931	7,711	12,250	12,896
23	Từ 21/11/2017	6,994	7,774	12,324	12,970
24	Từ 06/12/2017	7,017	7,797	12,352	12,998

Phụ lục 05

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 8 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Tống Văn Trân				Đa Phước					
		Xe ép 4 tấn				Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Hooklift 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm			Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	14,475	16,351			6,924	7,738	6,213	6,899	5,074	5,492
2	Từ 05/01/2017	14,563	16,439			6,971	7,785	6,260	6,946	5,115	5,533
3	Từ 20/01/2017	14,643	16,519			7,014	7,828	6,303	6,989	5,152	5,570
4	Từ 04/02/2017	14,638	16,514			7,011	7,825	6,300	6,986	5,150	5,568
5	Từ 19/02/2017	14,715	16,591			7,053	7,867	6,341	7,027	5,186	5,604
6	Từ 07/03/2017	14,754	16,630			7,074	7,888	6,362	7,048	5,204	5,622
7	Từ 22/03/2017	14,585	16,461			6,983	7,797	6,272	6,958	5,125	5,543
8	Từ 06/04/2017	14,483	16,359			6,928	7,742	6,217	6,903	5,078	5,496
9	Từ 21/04/2017	14,580	16,456			6,980	7,794	6,269	6,955	5,123	5,541
10	Từ 06/05/2017	14,522	16,398			6,949	7,763	6,238	6,924	5,096	5,514
11	Từ 21/05/2017	14,428	16,304			6,898	7,712	6,188	6,873	5,052	5,470
12	Từ 06/06/2017	14,489	16,365			6,931	7,745	6,220	6,906	5,080	5,498
13	Từ 21/06/2017	14,310	16,185			6,835	7,648	6,124	6,810	4,997	5,415
		Xe ép ≤ 5 tấn		5 tấn < Xe ép < 10 tấn		5 tấn < Xe ép < 10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		Xe Hooklift ≥ 10 tấn	

14	Từ 01/07/2017	14,686	16,692	11,268	12,670	7,988	8,982	7,723	8,629	6,441	7,009
15	Từ 06/07/2017	14,719	16,725	11,297	12,699	8,008	9,002	7,745	8,651	6,460	7,028
16	Từ 21/07/2017	14,821	16,826	11,385	12,787	8,071	9,065	7,812	8,718	6,520	7,089
17	Từ 05/08/2017	14,950	16,955	11,497	12,899	8,150	9,144	7,897	8,803	6,597	7,165
18	Từ 06/09/2017	14,994	16,999	11,535	12,937	8,177	9,171	7,926	8,832	6,623	7,191
19	Từ 21/09/2017	15,128	17,134	11,652	13,054	8,260	9,254	8,015	8,921	6,702	7,271
20	Từ 06/10/2017	15,167	17,172	11,685	13,087	8,284	9,278	8,041	8,946	6,725	7,293
21	Từ 19/10/2017	19,082	21,598	14,728	16,490	10,008	11,206	9,396	10,450	7,471	8,100
22	Từ 21/10/2017	19,023	21,540	14,677	16,439	9,974	11,171	9,360	10,415	7,441	8,070
23	Từ 05/11/2017	19,092	21,608	14,737	16,499	10,015	11,212	9,402	10,457	7,477	8,106
24	Từ 21/11/2017	19,230	21,746	14,857	16,618	10,096	11,293	9,487	10,541	7,549	8,178
25	Từ 06/12/2017	19,282	21,798	14,902	16,663	10,126	11,324	9,518	10,573	7,576	8,205

Phụ lục 06

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 10 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Đa Phước			
		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	9,877	11,038	6,913	7,676
2	Từ 05/01/2017	9,945	11,106	6,965	7,728
3	Từ 20/01/2017	10,007	11,168	7,013	7,776
4	Từ 04/02/2017	10,002	11,164	7,010	7,773
5	Từ 19/02/2017	10,062	11,223	7,056	7,819
6	Từ 07/03/2017	10,091	11,253	7,079	7,842
7	Từ 22/03/2017	9,962	11,123	6,978	7,742
8	Từ 06/04/2017	9,884	11,045	6,918	7,681
9	Từ 21/04/2017	9,958	11,119	6,975	7,738
10	Từ 06/05/2017	9,913	11,074	6,941	7,704
11	Từ 21/05/2017	9,841	11,002	6,885	7,648
12	Từ 06/06/2017	9,888	11,049	6,921	7,684
13	Từ 21/06/2017	9,750	10,911	6,814	7,577

14	Từ 01/07/2017	10,027	11,274	6,995	7,815
15	Từ 06/07/2017	10,052	11,300	7,015	7,835
16	Từ 21/07/2017	10,131	11,378	7,075	7,895
17	Từ 05/08/2017	10,230	11,478	7,152	7,972
18	Từ 06/09/2017	10,264	11,512	7,179	7,999
19	Từ 21/09/2017	10,368	11,616	7,259	8,079
20	Từ 06/10/2017	10,398	11,645	7,282	8,102
21	Từ 21/10/2017	10,362	11,609	7,254	8,074
22	Từ 05/11/2017	10,404	11,652	7,287	8,107
23	Từ 21/11/2017	10,489	11,737	7,353	8,173
24	Từ 06/12/2017	10,521	11,768	7,377	8,197

Phụ lục 07a
TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 11 NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Các điểm hẹn về Tổng Văn Trân				Tân Hóa về Đa Phước				Tân Hóa về Vietstar				Tân Hóa về Tâm Sinh Nghĩa			
		Xe ép 2 tấn		Xe ép 4 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	47,137	54,487	60,020	67,798	9,380	10,483	7,710	8,562	5,119	5,721	4,208	4,673	5,156	5,762	4,238	4,706
2	Từ 05/01/2017	47,318	54,668	60,386	68,164	9,445	10,547	7,769	8,620	5,154	5,756	4,240	4,705	5,192	5,798	4,270	4,738
3	Từ 20/01/2017	47,483	54,833	60,717	68,496	9,503	10,606	7,822	8,673	5,186	5,788	4,269	4,734	5,224	5,830	4,300	4,768
4	Từ 04/02/2017	47,471	54,821	60,694	68,473	9,499	10,602	7,818	8,670	5,184	5,786	4,267	4,732	5,221	5,828	4,298	4,766
5	Từ 19/02/2017	47,630	54,980	61,015	68,793	9,555	10,658	7,870	8,721	5,215	5,817	4,295	4,759	5,252	5,859	4,326	4,794
6	Từ 07/03/2017	47,709	55,060	61,175	68,953	9,583	10,686	7,895	8,746	5,230	5,832	4,309	4,773	5,268	5,874	4,340	4,808
7	Từ 22/03/2017	47,363	54,714	60,477	68,255	9,461	10,563	7,784	8,635	5,163	5,765	4,248	4,713	5,200	5,807	4,279	4,746
8	Từ 06/04/2017	47,154	54,504	60,054	67,832	9,386	10,489	7,716	8,567	5,123	5,724	4,211	4,676	5,160	5,766	4,241	4,709
9	Từ 21/04/2017	47,352	54,702	60,454	68,233	9,457	10,559	7,780	8,631	5,161	5,763	4,246	4,711	5,198	5,804	4,277	4,744
10	Từ 06/05/2017	47,233	54,583	60,214	67,992	9,414	10,517	7,741	8,593	5,138	5,740	4,225	4,690	5,175	5,781	4,255	4,723
11	Từ	47,040	54,390	59,825	67,603	9,346	10,449	7,679	8,530	5,101	5,702	4,191	4,656	5,137	5,744	4,221	4,689

CÔNG BÁO/Số 74+75/Ngày 01-11-2019

	21/05/2017																
12	Từ 06/06/2017	47,165	54,515	60,077	67,855	9,390	10,493	7,719	8,571	5,125	5,727	4,213	4,678	5,162	5,768	4,243	4,711
13	Từ 21/06/2017	46,796	54,146	59,333	67,111	9,259	10,362	7,600	8,452	5,053	5,655	4,148	4,613	5,090	5,696	4,178	4,646
14	Từ 01/07/2017	48,589	56,486	61,202	69,559	9,522	10,707	7,802	8,716	5,197	5,843	4,258	4,757	5,234	5,886	4,289	4,791
15	Từ 06/07/2017	48,657	56,554	61,339	69,696	9,546	10,731	7,824	8,738	5,210	5,857	4,270	4,769	5,248	5,899	4,301	4,803
16	Từ 21/07/2017	48,867	56,764	61,763	70,120	9,621	10,806	7,892	8,806	5,251	5,897	4,307	4,806	5,289	5,940	4,338	4,841
		Xe ép ≤ 5 tấn				5 tấn < Xe ép < 10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		5 tấn < Xe ép < 10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		5 tấn < Xe ép < 10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn	
17	Từ 01/08/2017	63,223	72,139			9,629	10,814	7,899	8,814	5,255	5,902	4,311	4,810	5,293	5,944	4,342	4,845
18	Từ 05/08/2017	63,728	72,643			9,724	10,909	7,985	8,900	5,307	5,954	4,358	4,857	5,345	5,997	4,390	4,892
19	Từ 06/09/2017	63,900	72,815			9,756	10,941	8,015	8,929	5,325	5,971	4,374	4,873	5,363	6,014	4,406	4,908
20	Từ 21/09/2017	64,426	73,341			9,855	11,040	8,105	9,019	5,378	6,025	4,423	4,922	5,417	6,068	4,455	4,958
21	Từ 06/10/2017	64,576	73,491			9,883	11,068	8,130	9,045	5,394	6,040	4,437	4,936	5,433	6,084	4,469	4,972
22	Từ 21/10/2017	64,393	73,309			9,849	11,034	8,099	9,014	5,375	6,022	4,420	4,919	5,414	6,065	4,452	4,955
23	Từ 05/11/2017	64,608	73,524			9,889	11,074	8,136	9,050	5,397	6,044	4,440	4,939	5,436	6,087	4,472	4,975
24	Từ 21/11/2017	65,038	73,953			9,970	11,154	8,209	9,123	5,441	6,088	4,480	4,979	5,480	6,132	4,512	5,015
25	Từ 06/12/2017	65,199	74,114			10,000	11,185	8,236	9,151	5,458	6,104	4,495	4,994	5,497	6,148	4,527	5,030

Phụ lục 07b

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 11 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Tổng Văn Trân về Đa Phước							
		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Hooklift 10 tấn			
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017								
2	Từ 05/01/2017								
3	Từ 20/01/2017								
4	Từ 04/02/2017								
5	Từ 19/02/2017								
6	Từ 07/03/2017								
7	Từ 22/03/2017								

8	Từ 06/04/2017								
9	Từ 21/04/2017								
10	Từ 01/05/2017	9,766	10,904	8,035	8,913	10,761	11,289		
11	Từ 06/05/2017	9,722	10,860	7,995	8,874	10,727	11,255		
12	Từ 21/05/2017	9,652	10,790	7,931	8,810	10,672	11,199		
13	Từ 06/06/2017	9,697	10,835	7,973	8,851	10,708	11,235		
14	Từ 21/06/2017	9,562	10,700	7,850	8,728	10,602	11,130		
15	Từ 01/07/2017	9,827	11,050	8,052	8,995	10,719	11,286		
16	Từ 06/07/2017	9,852	11,074	8,074	9,018	10,739	11,305		
17	Từ 21/07/2017	9,929	11,151	8,144	9,088	10,799	11,365		
		5 tấn<Xe ép<10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		Hooklift < 10 tấn		Xe Hooklift ≥ 10 tấn	
18	Từ 01/08/2017	9,938	11,160	8,152	9,096	14,769	15,563	10,805	11,372
19	Từ	10,035	11,258	8,241	9,185	14,876	15,670		11,449

	05/08/2017							10,882	
20	Từ 06/09/2017	10,068	11,291	8,271	9,215	14,912	15,706	10,908	11,475
21	Từ 21/09/2017	10,170	11,393	8,364	9,308	15,024	15,817	10,987	11,554
22	Từ 06/10/2017	10,199	11,422	8,390	9,334	15,055	15,849	11,010	11,577
23	Từ 21/10/2017	10,164	11,387	8,358	9,302	15,017	15,811	10,982	11,549
24	Từ 05/11/2017	10,206	11,428	8,396	9,340	15,062	15,856	11,015	11,582
25	Từ 21/11/2017	10,289	11,511	8,472	9,415	15,153	15,947	11,080	11,646
26	Từ 06/12/2017	10,320	11,542	8,500	9,444	15,187	15,981	11,104	11,671

Phụ lục 08a

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN GÒ VẤP NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

ST T	Thời điểm	Các điểm hẹn về Quang Trung				Các điểm hẹn về Vietstar				Các điểm hẹn về Tâm Sinh Nghĩa			
		Xe ép 4 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	23,827	26,915	14,198	15,867	5,361	5,991	4,212	4,677	5,230	5,845	4,253	4,722
2	Từ 05/01/2017	23,973	27,061	14,295	15,965	5,398	6,028	4,244	4,709	5,266	5,881	4,285	4,754
3	Từ 20/01/2017	24,104	27,192	14,384	16,053	5,431	6,061	4,273	4,738	5,298	5,913	4,314	4,784
4	Từ 04/02/2017	24,095	27,183	14,378	16,047	5,429	6,059	4,271	4,736	5,296	5,911	4,312	4,782
5	Từ 19/02/2017	24,223	27,311	14,463	16,132	5,461	6,091	4,299	4,764	5,328	5,942	4,340	4,810
		Xe ép 2 tấn		Xe ép 4 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn	
6	Từ 01/03/2017	26,431	30,506	33,589	37,865	5,081	5,667	4,432	4,910	5,613	6,260	4,428	4,906
7	Từ 07/03/2017	26,475	30,550	33,677	37,953	5,096	5,682	4,446	4,925	5,630	6,277	4,442	4,920
8	Từ 22/03/2017	26,283	30,358	33,293	37,569	5,031	5,616	4,384	4,862	5,558	6,205	4,380	4,858
9	Từ 06/04/2017	26,166	30,242	33,061	37,337	4,991	5,577	4,345	4,824	5,514	6,161	4,341	4,820
10	Từ 21/04/2017	26,277	30,352	33,281	37,557	5,029	5,614	4,381	4,860	5,555	6,202	4,377	4,856
11	Từ 06/05/2017	26,211	30,286	33,149	37,425	5,006	5,592	4,360	4,838	5,531	6,177	4,356	4,834
12	Từ 21/05/2017	26,104	30,179	32,935	37,211	4,970	5,555	4,325	4,803	5,491	6,137	4,321	4,799
13	Từ 06/06/2017	26,173	30,248	33,073	37,349	4,993	5,579	4,347	4,826	5,517	6,163	4,344	4,822
14	Từ 21/06/2017	25,968	30,043	32,664	36,940	4,924	5,509	4,281	4,759	5,440	6,087	4,277	4,755
15	Từ 01/07/2017	26,939	31,317	33,644	38,238	5,056	5,685	4,386	4,900	5,585	6,280	4,382	4,896

16	Từ 06/07/2017	26,976	31,355	33,720	38,314	5,068	5,697	4,398	4,913	5,599	6,294	4,394	4,908
17	Từ 21/07/2017	27,093	31,471	33,953	38,547	5,108	5,737	4,437	4,951	5,643	6,338	4,432	4,946
18	Từ 05/08/2017	27,240	31,619	34,248	38,842	5,158	5,787	4,485	4,999	5,698	6,393	4,481	4,994
19	Từ 06/09/2017	27,291	31,669	34,349	38,943	5,175	5,804	4,501	5,016	5,717	6,412	4,497	5,011
20	Từ 21/09/2017	27,445	31,823	34,657	39,251	5,228	5,857	4,552	5,066	5,775	6,470	4,548	5,061
21	Từ 06/10/2017	27,489	31,867	34,745	39,339	5,243	5,872	4,566	5,080	5,792	6,487	4,562	5,076
22	Từ 21/10/2017	27,435	31,814	34,638	39,232	5,224	5,853	4,549	5,063	5,772	6,467	4,545	5,058
23	Từ 05/11/2017	27,498	31,877	34,764	39,358	5,246	5,875	4,569	5,083	5,795	6,490	4,565	5,079
24	Từ 21/11/2017	27,624	32,002	35,015	39,609	5,289	5,918	4,611	5,125	5,842	6,537	4,606	5,120
25	Từ 06/12/2017	27,671	32,050	35,110	39,704	5,305	5,934	4,626	5,140	5,860	6,555	4,622	5,135

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN GÒ VẤP NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Quang Trung về Đa Phước							
		5 tấn<Xe ép<10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		Hooklift < 10 tấn		Xe Hooklift ≥ 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017								
2	Từ 05/01/2017								
3	Từ 20/01/2017								
4	Từ 04/02/2017								
5	Từ 19/02/2017								
6	Từ 07/03/2017								
7	Từ 22/03/2017								
8	Từ 06/04/2017								
9	Từ 21/04/2017								
10	Từ 01/05/2017	5,220	5,829	4,295	4,765	6,592	6,987	5,752	6,034
11	Từ 06/05/2017	5,197	5,805	4,274	4,743	6,567	6,962	5,734	6,016
12	Từ 21/05/2017	5,159	5,767	4,239	4,709	6,526	6,920	5,704	5,986

13	Từ 06/06/2017	5,184	5,792	4,262	4,731	6,552	6,947	5,724	6,006
14	Từ 21/06/2017	5,111	5,720	4,196	4,666	6,473	6,868	5,667	5,949
15	Từ 01/07/2017	5,253	5,906	4,304	4,808	6,561	6,985	5,730	6,033
16	Từ 06/07/2017	5,266	5,920	4,316	4,820	6,575	7,000	5,740	6,043
17	Từ 21/07/2017	5,307	5,961	4,353	4,858	6,620	7,045	5,772	6,075
18	Từ 05/08/2017	5,359	6,013	4,401	4,905	6,677	7,102	5,813	6,116
19	Từ 06/09/2017	5,377	6,031	4,417	4,921	6,697	7,121	5,827	6,130
20	Từ 21/09/2017	5,432	6,085	4,466	4,971	6,756	7,181	5,869	6,172
21	Từ 06/10/2017	5,447	6,101	4,481	4,985	6,773	7,198	5,881	6,184
22	Từ 21/10/2017	5,428	6,082	4,463	4,968	6,753	7,177	5,867	6,170
23	Từ 05/11/2017	5,450	6,104	4,484	4,988	6,777	7,201	5,884	6,187
24	Từ 21/11/2017	5,495	6,148	4,524	5,028	6,826	7,250	5,919	6,222
25	Từ 06/12/2017	5,512	6,165	4,539	5,044	6,844	7,268	5,932	6,235

Phụ lục 08c

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN GÒ VẤP NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Quang Trung về Vietstar							
		5 tấn < Xe ép < 10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		Hooklift < 10 tấn		Xe Hooklift ≥ 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017								
2	Từ 05/01/2017								
3	Từ 20/01/2017								
4	Từ 04/02/2017								
5	Từ 19/02/2017								
6	Từ 07/03/2017								
7	Từ 22/03/2017								
8	Từ 06/04/2017								
9	Từ 21/04/2017								
10	Từ 01/05/2017	5,363	5,988	4,412	4,895	7,158	7,564	5,909	6,199
11	Từ 06/05/2017	5,339	5,964	4,390	4,873	7,132	7,538	5,890	6,180

12	Từ 21/05/2017	5,300	5,925	4,355	4,838	7,090	7,495	5,860	6,150
13	Từ 06/06/2017	5,325	5,950	4,378	4,860	7,117	7,523	5,880	6,170
14	Từ 21/06/2017	5,251	5,876	4,311	4,793	7,036	7,442	5,822	6,112
15	Từ 01/07/2017	5,396	6,068	4,421	4,940	7,126	7,562	5,886	6,197
16	Từ 06/07/2017	5,410	6,081	4,434	4,952	7,141	7,577	5,897	6,208
17	Từ 21/07/2017	5,452	6,124	4,472	4,990	7,187	7,623	5,930	6,241
18	Từ 05/08/2017	5,506	6,177	4,521	5,039	7,246	7,681	5,972	6,283
19	Từ 06/09/2017	5,524	6,195	4,538	5,056	7,266	7,701	5,986	6,297
20	Từ 21/09/2017	5,580	6,251	4,588	5,107	7,327	7,762	6,030	6,341
21	Từ 06/10/2017	5,596	6,267	4,603	5,121	7,344	7,780	6,042	6,353
22	Từ 21/10/2017	5,576	6,248	4,585	5,104	7,323	7,759	6,027	6,338
23	Từ 05/11/2017	5,599	6,271	4,606	5,124	7,348	7,784	6,045	6,356
24	Từ 21/11/2017	5,645	6,316	4,648	5,166	7,398	7,834	6,080	6,392
25	Từ 06/12/2017	5,662	6,333	4,663	5,181	7,416	7,852	6,094	6,405

Phụ lục 09

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂN BÌNH NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Vietstar				Tâm Sinh Nghĩa			
		Xe ép 10 tấn				Xe ép 10 tấn			
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	4,534	5,050			4,637	5,169		
2	Từ 05/01/2017	4,567	5,084			4,670	5,203		
3	Từ 20/01/2017	4,597	5,114			4,700	5,233		
4	Từ 04/02/2017	4,595	5,111			4,698	5,231		
5	Từ 19/02/2017	4,624	5,140			4,728	5,260		
6	Từ 07/03/2017	4,638	5,155			4,742	5,275		
7	Từ 22/03/2017	4,575	5,092			4,678	5,211		
8	Từ 06/04/2017	4,537	5,054			4,640	5,172		
9	Từ 21/04/2017	4,573	5,090			4,676	5,209		
10	Từ 06/05/2017	4,551	5,068			4,654	5,187		
11	Từ 21/05/2017	4,516	5,033			4,619	5,151		
12	Từ 06/06/2017	4,539	5,056			4,642	5,174		

13	Từ 21/06/2017	4,471	4,988			4,574	5,106		
14	Từ 01/07/2017	4,594	5,150			4,700	5,272		
15	Từ 06/07/2017	4,607	5,162			4,713	5,285		
16	Từ 21/07/2017	4,645	5,200			4,752	5,324		
		Xe ép ≥ 10 tấn		Xe Hooklift ≥ 10 tấn		Xe ép ≥ 10 tấn		Xe Hooklift ≥ 10 tấn	
17	Từ 01/08/2017	4,137	4,617	6,932	7,381	4,147	4,627	6,989	7,441
18	Từ 05/08/2017	4,183	4,662	6,980	7,428	4,192	4,673	7,037	7,489
19	Từ 06/09/2017	4,198	4,677	6,996	7,445	4,208	4,688	7,053	7,505
20	Từ 21/09/2017	4,245	4,724	7,046	7,494	4,255	4,735	7,104	7,555
21	Từ 06/10/2017	4,258	4,737	7,060	7,508	4,268	4,749	7,118	7,570
22	Từ 21/10/2017	4,242	4,721	7,043	7,491	4,252	4,732	7,101	7,552
23	Từ 05/11/2017	4,261	4,740	7,063	7,511	4,271	4,751	7,121	7,573
24	Từ 21/11/2017	4,300	4,779	7,104	7,552	4,310	4,790	7,162	7,614
25	Từ 06/12/2017	4,314	4,793	7,119	7,567	4,324	4,804	7,177	7,629

Phụ lục 11**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÌNH CHÁNH NĂM 2017***(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đvt: Đồng/Tkm*

STT	Thời điểm	Đa Phước			
		Xe ép 10 tấn		Hooklift 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	8,715	9,680	16,287	17,615
2	Từ 05/01/2017	8,781	9,746	16,387	17,714
3	Từ 20/01/2017	8,841	9,806	16,477	17,805
4	Từ 04/02/2017	8,837	9,802	16,471	17,799
5	Từ 19/02/2017	8,894	9,860	16,559	17,886
6	Từ 07/03/2017	8,923	9,888	16,602	17,930
7	Từ 22/03/2017	8,798	9,763	16,412	17,739
8	Từ 06/04/2017	8,721	9,686	16,296	17,624
9	Từ 21/04/2017	8,794	9,759	16,405	17,733
10	Từ 06/05/2017	8,750	9,715	16,340	17,668
11	Từ 21/05/2017	8,680	9,645	16,234	17,561
12	Từ 06/06/2017	8,726	9,691	16,302	17,630
13	Từ 21/06/2017	8,592	9,557	16,099	17,427

14	Từ 01/07/2017	8,820	9,857	16,412	17,839
15	Từ 06/07/2017	8,845	9,882	16,450	17,876
16	Từ 21/07/2017	8,921	9,958	16,565	17,992
17	Từ 05/08/2017	9,018	10,055	16,712	18,139
18	Từ 06/09/2017	9,051	10,088	16,762	18,189
19	Từ 21/09/2017	9,152	10,189	16,915	18,342
20	Từ 06/10/2017	9,181	10,218	16,959	18,385
21	Từ 21/10/2017	9,146	10,183	16,906	18,332
22	Từ 05/11/2017	9,187	10,224	16,968	18,395
23	Từ 21/11/2017	9,269	10,306	17,093	18,520
24	Từ 06/12/2017	9,300	10,337	17,140	18,567

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ CHI NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Vietstar		Tâm Sinh Nghĩa					
		Xe ép 10 tấn		Xe ép 5 tấn		Xe ép 7 tấn		Xe ép 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm	Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	17,931	19,910	8,947	10,107	6,378	7,128	6,217	6,903
2	Từ 05/01/2017	18,067	20,047	9,002	10,161	6,422	7,172	6,264	6,950
3	Từ 20/01/2017	18,191	20,170	9,051	10,211	6,461	7,211	6,307	6,993
4	Từ 04/02/2017	18,182	20,162	9,048	10,207	6,459	7,208	6,304	6,990
5	Từ 19/02/2017	18,301	20,281	9,096	10,255	6,497	7,247	6,345	7,032
6	Từ 07/03/2017	18,361	20,341	9,119	10,279	6,516	7,266	6,366	7,052
7	Từ 22/03/2017	18,101	20,081	9,015	10,175	6,433	7,182	6,276	6,962
8	Từ 06/04/2017	17,944	19,923	8,952	10,112	6,382	7,132	6,221	6,908
9	Từ 21/04/2017	18,093	20,072	9,012	10,172	6,430	7,180	6,273	6,959
10	Từ 06/05/2017	18,003	19,983	8,976	10,136	6,401	7,151	6,242	6,928
11	Từ 21/05/2017	17,858	19,838	8,918	10,078	6,355	7,104	6,192	6,878
12	Từ 06/06/2017	17,952	19,932	8,956	10,115	6,385	7,135	6,224	6,911
13	Từ 21/06/2017	17,675	19,655	8,845	10,004	6,296	7,046	6,128	6,815
14	Từ 01/07/2017	18,144	20,271	9,123	10,369	6,475	7,280	6,291	7,028

15	Từ 06/07/2017	18,195	20,322	9,144	10,390	6,491	7,297	6,308	7,046
16	Từ 21/07/2017	18,353	20,480	9,207	10,453	6,542	7,347	6,363	7,100
		Xe ép \geq 10 tấn				5 tấn < Xe ép < 10 tấn		Xe ép \geq 10 tấn	
17	Từ 01/08/2017	18,371	20,498			6,655	7,473	8,221	9,172
18	Từ 05/08/2017	18,571	20,698			6,720	7,539	8,310	9,262
19	Từ 06/09/2017	18,639	20,766			6,742	7,561	8,341	9,293
20	Từ 21/09/2017	18,848	20,975			6,810	7,629	8,434	9,386
21	Từ 06/10/2017	18,907	21,034			6,830	7,649	8,461	9,413
22	Từ 21/10/2017	18,835	20,962			6,806	7,625	8,428	9,380
23	Từ 05/11/2017	18,920	21,047			6,834	7,653	8,467	9,418
24	Từ 21/11/2017	19,090	21,217			6,890	7,709	8,543	9,495
25	Từ 06/12/2017	19,154	21,281			6,911	7,729	8,571	9,523

**TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẦN GIỜ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: Đồng/Tkm

STT	Thời điểm	Đa Phước	
		Xe ép 10 tấn	
		Ca ngày	Ca đêm
1	Từ 01/01/2017	10,219	11,417
2	Từ 05/01/2017	10,286	11,484
3	Từ 20/01/2017	10,346	11,545
4	Từ 04/02/2017	10,342	11,540
5	Từ 19/02/2017	10,401	11,599
6	Từ 07/03/2017	10,430	11,628
7	Từ 22/03/2017	10,302	11,500
8	Từ 06/04/2017	10,225	11,423
9	Từ 21/04/2017	10,298	11,496
10	Từ 06/05/2017	10,254	11,452
11	Từ 21/05/2017	10,183	11,381
12	Từ 06/06/2017	10,229	11,427
13	Từ 21/06/2017	10,093	11,291

14	Từ 01/07/2017	10,379	11,666
15	Từ 06/07/2017	10,404	11,691
16	Từ 21/07/2017	10,482	11,769
17	Từ 05/08/2017	10,580	11,867
18	Từ 06/09/2017	10,614	11,901
19	Từ 21/09/2017	10,716	12,004
20	Từ 06/10/2017	10,746	12,033
21	Từ 21/10/2017	10,710	11,997
22	Từ 05/11/2017	10,752	12,039
23	Từ 21/11/2017	10,836	12,123
24	Từ 06/12/2017	10,867	12,155

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4396/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2521/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc điều chỉnh Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện: Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ, giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“Điều 3. Đối với việc đầu tư danh mục 08 dự án thuộc các tiêu chí giao thông,

thủy lợi và văn hóa kèm theo đề án:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.2, khoản 4, Phần III của Đề án kèm theo Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“4.2. Các Sở - ngành thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn huyện.

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở - ngành phụ trách trên địa bàn huyện.

Đối với việc đầu tư các công trình kèm theo đề án:

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

+ Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tổ chức triển khai thực hiện các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố: Đối với dự án nhóm B sử dụng nguồn ngân sách của thành phố và dự án nhóm C sử dụng nguồn ngân sách thành phố phân cấp cho huyện quản lý.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở - ngành có liên quan, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện Cần Giờ, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4397/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2521/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc điều chỉnh Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện: Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ, giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“Điều 3. Đối với việc đầu tư danh mục dự án thuộc các tiêu chí giao thông, văn hóa, giáo dục và y tế kèm theo đề án:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.2, khoản 4, Phần III của Đề án kèm theo Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“4.2. Các Sở - ngành thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn huyện.

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở - ngành phụ trách trên địa bàn huyện.

Đối với việc đầu tư danh mục dự án thuộc các tiêu chí giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục và môi trường kèm theo đề án:

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

+ Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tổ chức triển khai thực hiện các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố: Đối với dự án nhóm B sử dụng nguồn ngân sách của thành phố và dự án nhóm C sử dụng nguồn ngân sách thành phố phân cấp cho huyện quản lý.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở - ngành có liên quan, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn

mới huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4398/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Nhà Bè, giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2521/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc điều chỉnh Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện: Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ, giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Nhà Bè, giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“Điều 3. Đối với việc đầu tư danh mục các hạng mục, công trình cơ sở hạ tầng đề xuất đầu tư thuộc đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa

bàn huyện Nhà Bè giai đoạn 2016 - 2020:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.2, khoản 4, Phần III của Đề án kèm theo Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố:

“4.2. Các Sở - ngành thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn huyện.

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở - ngành phụ trách trên địa bàn huyện.

Đối với việc đầu tư các công trình kèm theo đề án:

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

+ Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè tổ chức triển khai thực hiện các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố: Đối với dự án nhóm B sử dụng nguồn ngân sách của thành phố và dự án nhóm C sử dụng nguồn ngân sách thành phố phân cấp cho huyện quản lý.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở - ngành có liên quan, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn

mới huyện Nhà Bè chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4456/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chính văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;

Thực hiện ý kiến của Bộ Nội vụ tại Kết luận số 6264/KL-BNV ngày 30 tháng 11 năm 2017 và ý kiến của Bộ Công Thương tại Công văn số 10374/BCT-PC ngày 20 tháng 12 năm 2018;

Xét đề xuất của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5293/TTr-STP-KTrVB ngày 12 tháng 9 năm 2019;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chính nội dung các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban

nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Đính chính phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản: Bỏ đoạn “*Căn cứ Quyết định số 55/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016;*”

2. Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.

Đính chính ngày có hiệu lực tại Điều 2 “*Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2016*” thành:

“*Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2016*”.

3. Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh.

Đính chính ngày có hiệu lực tại Điều 2 “*Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2016*” thành:

“*Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2016*”.

4. Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công thành phố Hồ Chí Minh.

a) Bổ sung tiêu đề của các Điều tại Quyết định:

- Tại “**Điều 2.**” (trang 1) đính chính thành: “**Điều 2. Trách nhiệm của Sở Công Thương**”

- Tại “**Điều 3.**” (trang 1) đính chính thành: “**Điều 3. Hiệu lực thi hành**”

- Tại “**Điều 4.**” (trang 2) đính chính thành: “**Điều 4. Tổ chức thực hiện**”

b) Đính chính, bổ sung vào phần “**Nơi nhận**” tại trang 2 của Quyết định:

- Sau cụm từ “*Như Điều 4*”, bổ sung cụm từ: “*Văn phòng Chính phủ*”.

- Sau cụm từ “*VBUB: các PVP*”, bổ sung cụm từ: “*Sở Tư pháp*”.

5. Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban

nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

a) Đính chính phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản: “*Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm*” thành:

“*Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm*”

b) Bổ sung tiêu đề của các Điều tại Quyết định:

- Tại “**Điều 2.**” (trang 1) đính chính thành: “**Điều 2. Hiệu lực thi hành**”

- Tại “**Điều 3.**” (trang 2) đính chính thành: “**Điều 3. Tổ chức thực hiện**”

c) Đính chính, bổ sung vào phần “**Nơi nhận**” tại trang 2 của Quyết định như sau: Sau cụm từ “*VBUB: các PVP*” bổ sung cụm từ: “*Sở Tư pháp*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng